TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 05-9-2023.

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM.

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hồng Thái;

2. Bà Bùi Thị Hà;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Ngọc Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Võ Lê Trúc Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 44/2023/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Mỹ H, sinh năm 1982; địa chỉ: Số b, hẻm b1, đường CMT8, Khu phố b2, Phường m, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trương Quốc C, sinh năm 1969; địa chỉ: Số h, đường P, Khu phố b2, Phường h, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ly hôn ngày 14/02/2023, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Mỹ H trình bày:

Bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Quốc C tự nguyện quen biết và chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-10-2004 tại UBND phường h, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng có cố gắng dung hòa nhưng không thể hàn gắn tình cảm gia đình và có thời gian ly thân đã lâu. Nhận thấy không thể sống chung được nữa, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C.

Con chung: Có 01 con chung tên Trương Mẫn V, sinh ngày 31-7-2006. Bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng nên bà H đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông C đưa ra.

Tài sản chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà H có khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tuy nhiên, ngày 14/8/2023, bà H có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Bà Phạm Thị Mỹ H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai của bị đơn- ông Trương Quốc C trình bày:

Ông C thống nhất về thời gian kết hôn, chung sống vợ chồng, thời gian ly thân, về con chung và nợ chung như bà H trình bày. Ông đồng ý ly hôn với bà H, ông đồng ý giao con cho bà H nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: Ông có khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung, tuy nhiên, ngày 14/8/2023, ông có đơn rút yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Đề nghị Hội đồng xét xử cho bà Phạm Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trương Quốc C; về con chung: Đề nghị giao con cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận ông

C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng; về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung do ông C, bà H đã rút yêu cầu; Nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Quốc C có đơn yêu cầu tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H, ông C.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Quốc C tự nguyện quen biết và chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-10-2004 tại Ủy ban nhân dân phường h, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.2] Xét về mâu thuẫn: Quá trình giải quyết vụ án, bà H trình bày thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc. Sau đó, vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng quan điểm, vợ chồng có cố gắng dung hòa nhưng không thể hàn gắn tình cảm gia đình và có thời gian ly thân đã lâu. Nhận thấy không thể sống chung được nữa, nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông C.

Ông C xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn do xuất phát từ việc không tôn trọng nhau nên hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Do vậy, bà H xin ly hôn, ông đồng ý ly hôn với bà H.

Xét bà H và ông C đều trình bày thống nhất giữa ông bà có phát sinh mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau, không còn khả năng đoàn tụ. Đồng thời, cả hai đều có mong muốn được giải quyết ly hôn. Do đó, xác định hôn nhân của ông bà mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét xử cho ông bà được ly hôn

[3] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Mẫn V, sinh ngày 31-7-2006. Xét bà H yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, bà H không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng nên bà H đồng ý với mức cấp dưỡng mà ông C đưa ra. Đồng thời, lấy lời khai cháu V cũng yêu cầu được sống với mẹ và ông C cũng thống nhất giao cháu V cho bà H nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà H, ông C rút yêu cầu chia tài sản chung nên Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết về việc chia tài sản chung khi ly hôn là đúng quy định.

[5] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát: Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với tình tiết, nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Trương Quốc C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 51; 56; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

[1] Về hôn nhân: Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Mỹ H đối với ông Trương Quốc C.

Bà Phạm Thị Mỹ H được ly hôn với ông Trương Quốc C; bà H và ông C không còn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

[2] Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Mẫn V, sinh ngày 31-7-2006.

Giao cháu Trương Mẫn V cho bà H tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ghi nhận ông C tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu V 2.000.000 đồng/tháng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 06/10/2023 cho đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn ông Trương Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn giữa bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Quốc C.

Bà H, ông C được quyền khởi kiện lại phần yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị Mỹ H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 4.050.000 đồng theo biên lai thu số 0001783 ngày 28/02/2023 và biên lai thu số 0002269 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà H số tiền 3.750.000 đồng.

Ông Trương Quốc C phải chịu 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp 12.000.000 đồng theo biên lai thu số 0001947 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho ông C số tiền 11.850.000 đồng.

[6] Các bên đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi có trụ sở.

[7] Trường hợp, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-Phòng KT-NV TAND tỉnh Tây Ninh;
-VKSND thành phố Tây Ninh;
-CCTHADS thành phố Tây Ninh;
-Các đương sự;
- Nơi cấp chứng nhận kết hôn;
-Lưu.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Lan